

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao 20.186,9 m² đất cho Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm để tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao 20.186,9 m² đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 138, tọa lạc tại Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cho Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng để tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 2.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp đơn vị liên quan triển khai Quyết định này; đồng thời, bàn giao đất trên thực địa cho Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm có trách nhiệm quản lý chặt chẽ diện tích được giao và thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TN&MT TXNN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



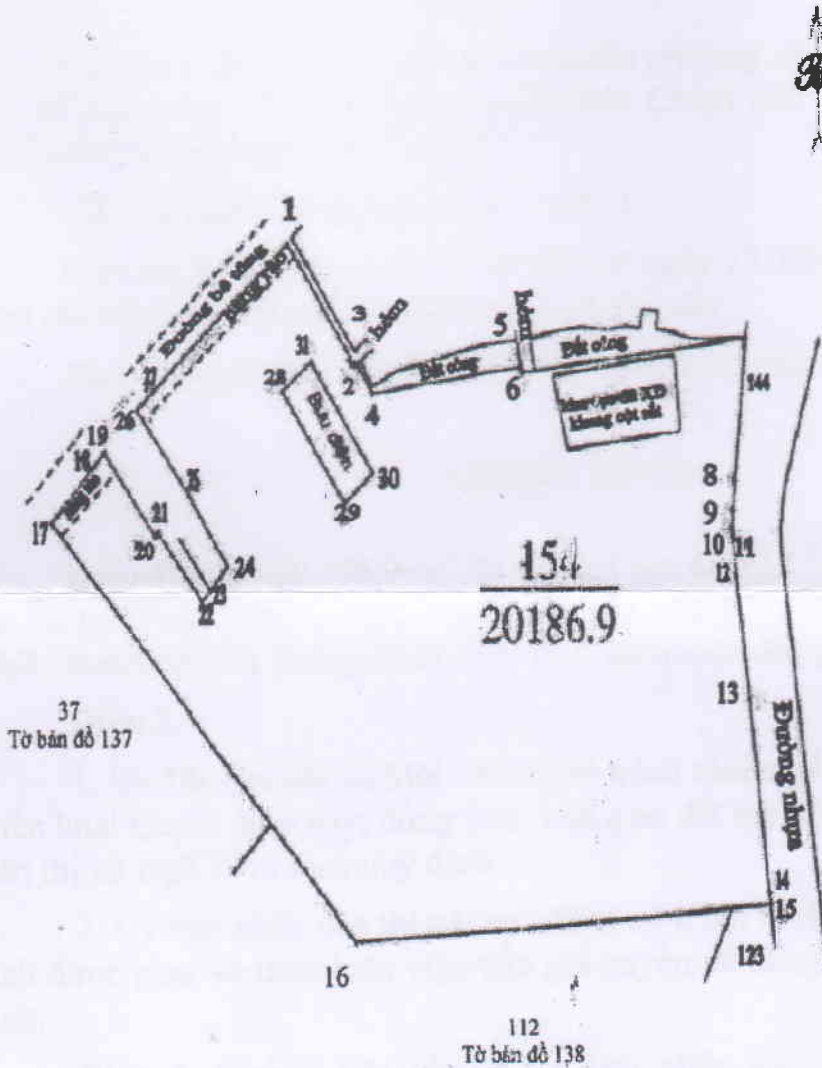
Vương Quốc Nam



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

Kèm theo Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 06 /7/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 138, diện tích là 20.186,9 m².
Tọa lạc tại Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.



TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1063969.56	517030.73	52.61
2	1063943.21	517049.93	0.79
3	1063943.63	517050.60	7.90
4	1063937.13	517055.10	44.15
5	1063942.58	517098.91	1.33
6	1063941.28	517099.18	67.68
7	1063948.17	517165.91	30.64
8	1063917.69	517162.42	6.47
9	1063911.36	517161.71	5.38
10	1063905.88	517161.72	0.70
11	1063905.18	517161.72	8.05
12	1063897.16	517162.40	27.15
13	1063870.26	517166.06	41.59
14	1063829.05	517171.65	2.52
15	1063826.55	517171.99	123.53
16	1063819.42	517048.67	126.24
17	1063809.62	516960.36	17.37
18	1063821.58	516972.96	4.40
19	1063824.56	516976.19	23.23
20	1063906.61	516990.94	1.22
21	1063907.33	516991.88	30.03
22	1063892.28	517005.64	3.62
23	1063894.80	517007.64	7.18
24	1063900.16	517012.42	18.94
25	1063915.40	517001.18	23.72
26	1063933.63	516986.00	1.91
27	1063934.93	516987.41	55.46
1	1063969.56	517030.73	
28	1063937.66	517028.64	30.00
29	1063913.54	517046.48	10.60
30	1063919.91	517054.95	30.60
31	1063944.03	517037.11	10.60
28	1063937.66	517028.64	

Scan vẽ theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng lập ngày 13/4/2021.

Ngày scan vẽ: 20/4/2021.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG